

Các loại hình tổ chức kinh doanh gắn với đa dạng hóa hình thức sở hữu ở Việt Nam

NGUYỄN KẾ TUẤN
NGÔ KIM THANH

Các loại hình tổ chức kinh doanh được phát triển trên cơ sở sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế. Đó là cách thức huy động và phân bổ các nguồn lực trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Song hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn cản trở việc phát triển các loại hình tổ chức kinh doanh. Bài viết đề cập khái quát một số khía cạnh lý thuyết và thực tế về đa dạng các loại hình tổ chức kinh doanh gắn với đa dạng hóa các hình thức sở hữu trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1. Mối quan hệ giữa loại hình tổ chức kinh doanh và hình thức sở hữu trong nền kinh tế thị trường

Loại hình tổ chức kinh doanh là kiểu tập hợp các yếu tố sản xuất dưới những hình thức nhất định được pháp luật quy định để tiến hành quá trình kinh doanh. Nếu hình thức sở hữu là biểu hiện bên ngoài của chế độ sở hữu, thì loại hình tổ chức kinh doanh lại là hình thức pháp lý chứa đựng các quan hệ sở hữu khác nhau. Một loại hình tổ chức kinh doanh có thể chứa đựng một hoặc nhiều hình thức sở hữu, là cơ sở pháp lý để chủ sở hữu thực hiện mục đích của mình. Thông qua các loại hình tổ chức kinh doanh, các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế phát huy được vai trò trong nền kinh tế.

Các loại hình tổ chức kinh doanh là một trong những biểu hiện của quan hệ giữa người và người trong tổ chức và quản lý sản xuất. Quan hệ này chịu sự chi phối của quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất và có ảnh hưởng tương hỗ với quan hệ phân phối. Quan hệ sở hữu phản ánh bản chất kinh tế trong quan hệ xã hội giữa người và người, trong đó có các quan hệ nội bộ của một loại hình tổ chức kinh doanh cụ thể. Quan hệ sở

hữu cũng gắn liền trực tiếp đến lợi ích kinh tế, đến động lực phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó, quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất được coi là cơ sở kinh tế để xác định sự khác biệt giữa các loại hình tổ chức kinh doanh. Việc hình thành và phát triển các loại hình tổ chức kinh doanh không trực tiếp thể hiện những khía cạnh chính trị - xã hội, nhưng cũng có ảnh hưởng ở mức độ nhất định tới những khía cạnh chính trị - xã hội của quá trình kinh doanh qua quan hệ giữa những người lao động trong quá trình kinh doanh, quan hệ giữa người quản lý và người bị quản lý, quan hệ giữa chủ sở hữu và người sử dụng vốn và tài sản trong mỗi loại hình tổ chức. Do vậy, việc hình thành và quản lý một loại hình tổ chức kinh doanh nào đó phải xuất phát từ đặc trưng mỗi lĩnh vực kinh doanh, yêu cầu tổ chức quá trình kinh doanh, từ khả năng, điều kiện và mục tiêu của chủ sở hữu, nghĩa là từ các đặc trưng và yêu cầu kinh tế - kỹ thuật, chứ không thể xuất phát từ những yêu cầu chính trị - xã hội, nhưng vẫn phải tính đến những yêu cầu và tác động về chính trị - xã hội.

Nguyễn Kế Tuấn, GS. TS.; Ngô Kim Thanh, PGS. TS., Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

Trong nền kinh tế thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật, chủ sở hữu có quyền lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh mà với nó họ có khả năng thực hiện tốt nhất mục tiêu của mình, thu được lợi ích (kinh tế và phi kinh tế) cao nhất cho mình. Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường không phải là áp đặt các chủ sở hữu phải khuôn cứng vào một loại hình tổ chức kinh doanh cố định, mà là tạo ra khuôn khổ pháp lý về các loại hình tổ chức kinh doanh đa dạng, xác định đặc trưng pháp lý và điều kiện áp dụng mỗi loại hình để các chủ sở hữu lựa chọn thích ứng với điều kiện và ý nguyện của họ. Trên cơ sở đó, Nhà nước thực hiện hành vi pháp lý công nhận loại hình tổ chức kinh doanh mà chủ sở hữu đã đăng ký. Trong quá trình kinh doanh, Nhà nước thực hiện các hình thức kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các loại hình kinh doanh của các chủ sở hữu nhằm trợ giúp họ thực hiện mục tiêu đã định và đưa hoạt động của các loại hình tổ chức kinh doanh vào hành lang pháp lý đã quy định.

Việc lựa chọn các loại hình tổ chức kinh doanh có liên quan đến ý nguyện của chủ sở hữu trong việc thực thi các quyền sở hữu. Trong một số trường hợp, chủ sở hữu trực tiếp thực hiện các quyền sở hữu của mình. Nghĩa là, họ trực tiếp thực hiện các công việc để hình thành loại hình tổ chức kinh doanh được lựa chọn và trực tiếp điều khiển quá trình sử dụng các đối tượng sở hữu của mình, thậm chí họ còn trực tiếp tham gia vào quá trình kinh doanh. Trong những trường hợp khác, chủ sở hữu không trực tiếp thực hiện, mà ủy quyền cho người khác thực hiện các công việc trên đây dưới những hình thức thích hợp được pháp luật thừa nhận. Trong nền kinh tế thị trường, khi phạm vi và quy mô kinh doanh ngày càng mở rộng, tình trạng cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, các quan hệ quản lý ngày càng phức tạp, những trường hợp này ngày càng phổ biến. Chủ sở hữu nhà nước không trực tiếp thực hiện quyền sở hữu với các doanh nghiệp nhà nước, mà giao cho một cá nhân

hoặc một tập thể thực hiện các quyền này. Nhiều chủ sở hữu tư nhân không muốn hoặc không có khả năng thực hiện quản lý điều hành cũng ủy quyền cho người khác do họ thuê hoặc họ bầu ra để thực hiện các quyền sở hữu của mình. Như vậy, với những loại hình tổ chức kinh doanh thích hợp, chủ sở hữu không thực hiện quyền sử dụng các đối tượng sở hữu của mình, quyền đó được giao cho người không phải chủ sở hữu thông qua hợp đồng hoặc các quy định của pháp luật. Pháp luật về các loại hình tổ chức kinh doanh phải quy định rõ những điều này. Việc tách rời quyền sử dụng khỏi chủ sở hữu cũng là cơ sở hình thành một nghề mới trong nền kinh tế thị trường hiện đại: nghề giám đốc.

Trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh tế, các chủ sở hữu có quan hệ liên kết với nhau nhằm tăng cường sức mạnh trên thị trường. Ngoài loại hình tổ chức kinh doanh một chủ (đơn sở hữu), như doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn và tài sản, doanh nghiệp tư nhân, hộ tiểu chủ và cá thể,... sẽ hình thành ngày càng nhiều loại hình tổ chức kinh doanh đa sở hữu và trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển các hình thức sở hữu và các loại hình tổ chức kinh doanh. Trong loại hình tổ chức này, tùy theo mối quan hệ giữa các chủ sở hữu trong việc quyết định các vấn đề phát triển, người ta chia ra loại hình tổ chức gọi là “đối nhân” (công ty đối nhân) và loại hình tổ chức gọi là “đối vốn” (công ty đối vốn). Nếu như trong loại hình “đối nhân”, quan hệ giữa các chủ sở hữu trong quyết định các vấn đề của tổ chức được xác định là “bình đẳng”, không phân biệt lượng vốn góp của mỗi chủ sở hữu, thì trong loại hình “đối vốn”, tuy các chủ sở hữu đều có quyền tham gia vào quá trình quản lý dưới những hình thức thích hợp, nhưng chủ sở hữu có lượng vốn góp nhiều hơn sẽ có quyền lớn hơn trong quyết định các vấn đề của tổ chức. Theo các nguyên tắc thị trường, loại hình thứ hai này thể hiện sự “công bằng” hơn và có sự hấp dẫn cao hơn với các chủ sở hữu.

Cuối cùng, một loại hình tổ chức kinh doanh thường không cố định mà có thể có sự chuyển hóa: từ loại hình tổ chức này chuyển thành loại hình tổ chức khác. Sự vận động chuyển hóa của các quan hệ sở hữu là tác nhân quan trọng hàng đầu dẫn đến sự chuyển hóa các loại hình tổ chức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Đến lượt mình, sự chuyển hóa các loại hình tổ chức kinh doanh lại là điều kiện để các chủ thể sở hữu thực hiện tốt hơn các yêu cầu và mục tiêu của mình trong thực hiện quyền sở hữu. Trong thực tế, sự chuyển hóa loại hình kinh doanh diễn ra hết sức đa dạng: từ doanh nghiệp nhà nước chuyển thành doanh nghiệp tư nhân (từ hình thức sở hữu nhà nước chuyển sang hình thức sở hữu tư nhân qua tư nhân hóa sở hữu); từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần (từ doanh nghiệp đơn sở hữu của Nhà nước chuyển thành doanh nghiệp đa sở hữu thông qua cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước); từ các doanh nghiệp tư nhân chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần (từ doanh nghiệp đơn sở hữu của cá nhân chuyển thành doanh nghiệp đa sở hữu)...

Sự chuyển hóa các loại hình tổ chức kinh doanh được coi là một quá trình tất yếu mang tính tự nhiên. Về lý thuyết, đó là cách thức làm cho quan hệ sản xuất thích ứng với trình độ phát triển lực lượng sản xuất và thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất phát triển. Về mặt thực tế, đó là cách thức thể hiện Nhà nước tôn trọng quyền của các chủ sở hữu trong việc lựa chọn hình thức thực hiện quyền sở hữu của mình.

Trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung theo mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ, trên cơ sở coi chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất với hai hình thức là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng của nền kinh tế, chỉ tồn tại loại hình doanh nghiệp nhà nước (gọi là xí nghiệp quốc doanh) và hợp tác xã (còn gọi là xí nghiệp tập thể). Sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất bị coi là đối tượng cải tạo xã hội chủ nghĩa,

hầu như không có xí nghiệp tư nhân, mà chỉ có một số ít hộ cá thể và hộ tiểu chủ. Trong nền kinh tế thị trường, sự phát triển đa dạng các thành phần kinh tế trên cơ sở đa dạng hóa các hình thức sở hữu đã dẫn đến sự phát triển đa dạng các loại hình tổ chức kinh doanh. Theo pháp luật hiện hành, các loại hình tổ chức kinh doanh phổ biến ở Việt Nam hiện nay là: doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, hộ tiểu chủ, hộ cá thể, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

2. Các vấn đề đặt ra từ thực tiễn phát triển các loại hình tổ chức kinh doanh ở Việt Nam

2.1. Về doanh nghiệp nhà nước

Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp nhà nước (DNNN) gồm doanh nghiệp nhà nước giữ 100% vốn và doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần hoặc phần vốn chi phối¹. Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra cho các DNNN là: "Phải không ngừng được đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, làm công cụ vật chất để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô, làm lực lượng nòng cốt, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là lực lượng chủ lực trong hội nhập kinh tế quốc tế. Việc xem xét đánh giá hiệu quả của DNNN phải có quan điểm toàn diện cả về kinh tế, chính trị, xã hội; trong đó, lấy suất sinh lời trên vốn làm một trong những tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh, lấy kết quả thực hiện các chính sách xã hội làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp công ích..."².

1. Về bản chất, đây là loại hình doanh nghiệp đa sở hữu, nhưng do Nhà nước nắm cổ phần hoặc phần vốn chi phối nên được coi là DNNN.

2. Văn kiện Hội nghị lần thứ 3 BCH Trung ương Đảng khóa IX, tr 6 và 7.

Đến nay, vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau trong đánh giá thực trạng các DNNN. Nhiều ý kiến cho rằng, đầu DNNN hiện nay chủ yếu tập trung vào các ngành, các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, có đóng góp quan trọng vào tổng sản phẩm trong nước và nguồn thu ngân sách, nhưng kết quả hoạt động chưa tương xứng với các nguồn lực hiện có và sự hỗ trợ, đặc biệt là sự ưu đãi của Nhà nước, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp kém. Điều đó cũng có nghĩa, sự phát triển và kết quả hoạt động của các doanh nghiệp còn thấp xa so với yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra cho nó. Từ thực tế này, việc yêu cầu xem xét lại vai trò của doanh nghiệp nhà nước là vấn đề hoàn toàn nghiêm túc và có trách nhiệm. Phải chăng đang có sự áp đặt mong muốn chủ quan trên nền tảng tư duy lý luận cũ cho một thực thể mà chúng không thể có được vai trò đó. Đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho việc đổi mới DNNN được tiến hành chậm trễ và chưa mang lại hiệu quả mong muốn.

Hiện nay, có một loạt vấn đề đặt ra với đổi mới và phát triển DNNN, trong đó nổi bật là:

- Sự không rõ ràng và đứt khoát trong đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước với DNNN. DNNN vẫn được dành nhiều ưu đãi, nhiều DNNN vẫn được dành những đặc quyền và hoạt động mang tính chất độc quyền. Điều này cũng có nghĩa sự phân biệt đối xử với các doanh nghiệp ngoài nhà nước vẫn tồn tại dai dẳng, trong khi trách nhiệm chấm dứt tình trạng này thuộc về chính Nhà nước. Quyền của chủ sở hữu và quyền của đại diện chủ sở hữu ở DNNN vẫn chưa được phân định rõ ràng. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng tham nhũng, thất thoát và lãng phí tài sản nhà nước, lợi dụng tài sản của Nhà nước để mưu lợi cá nhân hoặc lợi ích nhóm.

- Những vấn đề nảy sinh trong quá trình sắp xếp lại DNNN, chủ yếu là đa dạng hóa sở hữu thông qua cổ phần hóa DNNN. Cần

khẳng định rằng, chủ trương sắp xếp lại để các DNNN phát triển tập trung vào số ít ngành, các lĩnh vực then chốt trọng yếu của nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực liên quan đến quốc phòng - an ninh là đúng đắn. Song tiến trình này diễn ra chậm chạp vì gặp phải không ít cản trở trong nhận thức tư tưởng và trong cơ chế chính sách. Trong việc tiến hành cổ phần hóa DNNN, việc định giá tài sản nhà nước không phù hợp với nguyên tắc thị trường làm tài sản nhà nước bị thất thoát, chưa giải quyết có hiệu quả các vấn đề sau cổ phần hóa, tình trạng tài sản doanh nghiệp sau cổ phần hóa bị tập trung vào một số ít người... làm biến dạng mục tiêu tốt đẹp của cổ phần hóa.

- Những vấn đề phức tạp nảy sinh trong thành lập và hoạt động của các tập đoàn kinh tế. Đảng và Nhà nước chủ trương thành lập một số tập đoàn kinh tế mạnh đủ sức chi phối những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế; làm lực lượng chủ lực trong việc bảo đảm các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô; làm nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Trong thực tế, lẽ ra phải được hình thành từ quá trình tích tụ và tập trung hóa sản xuất và phải được triển khai thí điểm một cách nghiêm túc để rút kinh nghiệm, các tập đoàn kinh tế của Việt Nam được thành lập khá đại trà thông qua các quyết định hành chính. Trong quá trình hoạt động, đầu rằng được Nhà nước dành cho nhiều ưu đãi, nhưng các tập đoàn kinh tế lại không đáp ứng được các kỳ vọng đặt ra. Lý do chủ động trong quyết định đầu tư, phải thích ứng với điều kiện thị trường,... nhiều tập đoàn kinh tế không tập trung vào lĩnh vực hoạt động trung tâm mà phân tán đầu tư sang nhiều lĩnh vực khác (đặc biệt là ngân hàng, thị trường chứng khoán và bất động sản là những lĩnh vực có sức hút mạnh mẽ trong năm 2007), dẫn đến không thể đóng được vai trò góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Thay vì cạnh tranh với các công ty nước ngoài, các tập đoàn kinh tế đang cạnh tranh

với nhau và cạnh tranh với các công ty khác trong nước...

2.2. Về hợp tác xã

Cũng như DNNN, các hợp tác xã (HTX) luôn giành được sự quan tâm chú ý của Đảng và Nhà nước với mong muốn góp phần cùng kinh tế nhà nước “ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”. Song trong thực tế, dầu rằng đã được đổi mới và nhận được những hỗ trợ của Nhà nước, sự phát triển các HTX trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vẫn chưa được như kỳ vọng. Các HTX hiện còn giữ vị trí khiêm tốn trong cơ cấu kinh tế và đóng góp phần nhỏ bé vào sự tăng trưởng chung của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Theo số liệu thống kê chính thức, năm 2007 kinh tế tập thể chỉ đóng góp 6.19% trong tổng GDP của cả nước, các doanh nghiệp tập thể chỉ chiếm tỷ trọng 0,71% tổng doanh thu thuần của tất cả các loại hình tổ chức kinh doanh³.

Các HTX chưa có sự hấp dẫn với các chủ sở hữu tư nhân, chủ yếu là các hộ tiểu chủ và cá thể. Hiện còn nhiều lúng túng trong việc xác định hình thức và phương thức tổ chức hoạt động của các HTX. Căn nguyên của sự lúng túng bất cập này là nhận thức về hình thức sở hữu và cách xử lý các vấn đề liên quan đến sở hữu. Trên cơ sở các quan điểm của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp quy tạo khuôn khổ pháp lý cho phát triển hợp tác xã. Bộ Luật Dân sự năm 2005 xác định sở hữu tập thể là một trong các hình thức sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tài sản và vốn của HTX thuộc về hai loại chủ sở hữu: bộ phận thuộc sở hữu của mỗi xã viên là giá trị vốn mỗi người đã đóng góp khi vào HTX⁴; bộ phận thuộc sở hữu của tập thể là những tài sản và vốn được hình thành từ thu nhập từ sản xuất, kinh doanh của HTX, hỗ trợ của Nhà nước, quà biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Bộ phận thứ nhất

sẽ được hoàn trả cho chủ sở hữu khi họ xin ra HTX hoặc khi giải thể HTX. Bộ phận thứ hai sẽ không được phân chia cho các cá nhân trong bất kỳ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào. Những quy định này phù hợp với các quy định của Liên minh các HTX quốc tế (ICA). Theo đó, sở hữu trong HTX không hoàn toàn là sở hữu tập thể và việc phát triển các HTX không đồng nghĩa với “tập thể hóa tư liệu sản xuất”. Với tính chất như vậy, phát triển HTX không bao giờ được thoát ly các nguyên tắc “tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, cùng quản lý và cùng hưởng lợi”.

2.3. Về loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần

Đây là các loại hình tổ chức kinh doanh gắn với các hình thức sở hữu tư nhân, trong đó có loại hình tổ chức đơn sở hữu (doanh nghiệp tư nhân) và loại hình doanh nghiệp đa sở hữu (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần).

Ở Việt Nam, các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân đã chính thức được thừa nhận là một bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là *một trong những động lực của nền kinh tế*. Trên thực tế, sự phát triển các loại hình tổ chức kinh doanh của kinh tế tư nhân đã có những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Năm 2007, các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần không có vốn nhà nước đóng góp tới 36,10% tổng doanh thu thuần của tất cả các loại hình doanh nghiệp, lớn hơn của các DNNN (32,82%) và các doanh nghiệp có vốn

3. Niên giám thống kê năm 2007. Nxb Thống kê, 2008, tr 76 và 160.

4. Khoản 2 điều 19 Luật Hợp tác xã (năm 2003) quy định mỗi người muốn tham gia hợp tác xã phải góp vốn (mức tối thiểu được quy định trong Điều lệ Hợp tác xã; mức tối đa không vượt quá 30% vốn điều lệ).

nước ngoài (22,22%)⁵. Đây cũng là khu vực thu hút nhiều lao động nhất và có những đóng góp tích cực vào giải quyết nhiều vấn đề xã hội khác. Không thể vì những hiện tượng tiêu cực xảy ra ở khu vực doanh nghiệp này mà dẫn đến phủ nhận vai trò quan trọng của chúng và “thắt chặt” hoạt động của chúng (nếu nhìn nhận một cách công bằng thì hiện tượng tiêu cực cũng xảy ra ở ngay một số DNN).

Có thể quy tụ các khó khăn vướng mắc trong phát triển các loại hình tổ chức kinh doanh thuộc sở hữu tư nhân thành hai nhóm:

- Nhóm các khó khăn vướng mắc thuộc bản thân các doanh nghiệp: quy mô nhỏ bé, hoạt động phân tán; thiếu chiến lược kinh doanh dài hạn; trình độ trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý và khả năng cạnh tranh đều còn thấp kém... Đến nay, những dự báo về tiềm năng các nguồn lực của khu vực kinh tế tư nhân dường như đều chưa có cơ sở bảo đảm tính thuyết phục.

- Nhóm khó khăn vướng mắc thuộc về môi trường kinh doanh: tình trạng cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt; môi trường thể chế chưa bảo đảm sự thông thoáng, bình đẳng, minh bạch và ổn định; vẫn còn những e ngại trong việc phát triển kinh tế tư nhân...

2.4. Về các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Loại doanh nghiệp này bao gồm doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh với các chủ thể kinh tế trong nước. Dẫu có yếu tố nước ngoài, nhưng các doanh nghiệp này đều là pháp nhân kinh tế Việt Nam, phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước Việt Nam.

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã có những đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ, giải quyết việc làm và đóng góp vào nguồn thu ngân sách. Năm 2007, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp 17,66%

GDP của cả nước, 22,22% tổng doanh thu thuần của các loại hình tổ chức kinh doanh⁶. Trong đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nên chăng coi những khuyết điểm, hạn chế của chúng như những hiện tượng có thể xảy ra với bất cứ loại hình doanh nghiệp nào hoạt động trong nền kinh tế thị trường. Nên nhìn nhận nguyên nhân của những khuyết điểm, hạn chế này từ cả 3 phía: sự yếu kém của các chủ đầu tư trong việc chấp hành pháp luật; sự yếu kém của cán bộ quản lý Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; sự yếu kém của các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam.

Với những nỗ lực trong việc cải thiện môi trường đầu tư và với triển vọng phát triển kinh tế, đã xuất hiện “làn sóng” đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Nếu năm 2005, lượng vốn đầu tư đăng ký đạt 6,84 tỷ USD, năm 2006 đạt trên 12 tỷ USD, thì năm 2007 đã đạt 21,35 tỷ USD và năm 2008 đã đạt 64 tỷ USD.

Trong thu hút và thực hiện đầu tư trực tiếp nước ngoài nói chung, phát triển các loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng, đang nổi lên một số vấn đề lớn sau đây:

- Việc thiếu một chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài đã dẫn đến tình trạng bị động trong việc đón nhận và thẩm định các dự án đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các dự án có quy mô lớn và trình độ công nghệ phức tạp.

- Môi trường đầu tư tuy được chú trọng cải thiện, nhưng tốc độ chậm và thiếu đồng bộ, trong đó, cải cách hành chính đang là một trở lực lớn với cả các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

- Sự thiếu cân nhắc đánh giá một cách toàn diện tác động của các dự án đầu tư, đặc biệt là tác động xã hội và tác động môi trường của một số địa phương đã và sẽ gây nên đe dọa với yêu cầu phát triển bền vững.

5. Niên giám thống kê năm 2007, tr 160.

6. Niên giám thống kê năm 2007, tr 76 và 161.

- Sự yếu kém của cơ sở hạ tầng, chủ yếu là giao thông vận tải và năng lượng, cùng với chất lượng nguồn nhân lực thấp kém đang là “những nút thắt” với thu hút và thực hiện vốn đầu tư...

2.5. Kết luận

Từ khái quát những nét cơ bản nhất về tình hình các loại hình tổ chức kinh tế ở nước ta, có thể rút ra *một số kết luận* sau đây:

- Với chủ trương đa dạng hóa các hình thức sở hữu và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, sự phát triển các loại hình tổ chức kinh doanh đa dạng đã góp phần quyết định vào việc giải phóng lực lượng sản xuất, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và các hình thức sở hữu hoạt động trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế đều có những đóng góp tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong quá trình hoạt động, những lệch lạc, khuyết điểm của chúng là khó tránh khỏi, song không phải vì thế mà phủ nhận sự đóng góp to lớn của cộng đồng doanh nghiệp với sự nghiệp phát triển đất nước. Tuy nhiên, Nhà nước cần phải có những biện pháp nghiêm khắc với các doanh nghiệp vi phạm pháp luật, bất luận doanh nghiệp đó thuộc hình thức sở hữu nào.

- Trong nền kinh tế thị trường, các loại hình tổ chức kinh doanh đều bình đẳng với nhau và bình đẳng trước pháp luật. Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau tồn tại và phát triển trong những điều kiện bình đẳng của một môi trường chung, cùng cạnh tranh và hợp tác với nhau để phát triển. Thị trường sẽ đào thải bất cứ

doanh nghiệp nào không có khả năng thích ứng, bất luận đó là doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước hay thuộc sở hữu tư nhân.

- Cùng với việc phát triển đa dạng các loại hình tổ chức kinh doanh, cần thúc đẩy mạnh mẽ hơn đổi mới vai trò và chức năng quản lý nhà nước về kinh tế phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự thiếu đồng bộ trong đổi mới quản lý sản xuất kinh doanh và đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế đang là một lực cản với phát triển kinh tế ở nước ta.

- Việc tạo môi trường thông thoáng, ổn định, bình đẳng và minh bạch là đòi hỏi cấp thiết của các doanh nghiệp thuộc tất cả các hình thức sở hữu và nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quản lý nhà nước. Trong hoạch định và thực thi bất kỳ một chính sách nào, cũng cần bảo đảm sự hài hòa giữa yêu cầu và lợi ích của cả chủ thể quản lý (Nhà nước) và đối tượng quản lý (các doanh nghiệp), bảo đảm sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu. Mọi sự thiên vị và phân biệt đối xử dù dưới hình thức nào và mức độ nào cũng đều tạo ra lực cản với quá trình phát triển./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X. Nxb Chính trị quốc gia, 2006.
2. Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư năm 2005.
3. GS.TS. Vũ Đình Bách (chủ biên): Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nxb Chính trị quốc gia, 2008.
4. PGS.TS. Nguyễn Cúc (chủ biên): Thể chế nhà nước với một số loại hình doanh nghiệp ở nước ta hiện nay. Nxb Chính trị quốc gia, 2003.
5. Niên giám thống kê năm 2007. Nxb Thống kê, 2008.